Chi tiết mã HS 0407.19.11

Mã HS	0407.19.11
Mô tả hàng hóa	Trứng chim và trứng gia cầm, nguyên vỏ, sống, đã bảo quản hoặc đã làm chín / - Trứng đã thụ tinh để ấp: / - - Loại khác: / - - - Của vịt, ngan: / - - - - Để nhân giống
Đơn vị	quả/kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 19:19:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/04071911/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K895
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N895
Thuế GTGT (VAT)	*/8/10	* / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q895
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E883
ATIGA	2022	2022	0	AT!E884
ATIGA	2023	2023	0	AT!F884
ATIGA	2024	2024	0	AT!G884
ATIGA	2025	2025	0	AT!H884
ATIGA	2026	2026	0	AT!I884
ATIGA	2027	2027	0	AT!J884
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E886
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F886
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G886

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H886
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I886
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J886
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E888
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F888
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G888
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H888
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I888
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J888
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F890
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H885
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F886
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G886
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H886
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I886
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J886
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K886
VKFTA	2022	2022	0	VK!E884
VKFTA	2023	2023	0	VK!F884
VKFTA	2024	2024	0	VK!G884
VKFTA	2025	2025	0	VK!H884
VKFTA	2026	2026	0	VK!I884
VKFTA	2027	2027	0	VK!J884
VCFTA	2022	2022	0	VC!D895
VCFTA	2023	2023	0	VC!E895
VCFTA	2024	2024	0	VC!F895

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G895
VCFTA	2026	2026	0	VC!H895
VCFTA	2027	2027	0	VC!I895
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D892
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E892
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F892
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G892
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H892
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I892
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D901
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E901
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F901
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G901
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H901
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I901
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D885
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E885
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F885
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G885
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H885
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I885
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D887
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E887
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F887
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G887
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H887

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I887
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D885
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E885
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F885
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G885
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H885
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I885
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J885
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D888
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E888
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F888
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G888
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H888
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I888
RCEP B	2022	2022	0	B!D888
RCEP B	2023	2023	0	B!E888
RCEP B	2024	2024	0	B!F888
RCEP B	2025	2025	0	B!G888
RCEP B	2026	2026	0	B!H888
RCEP B	2027	2027	0	B!I888
RCEP C	2022	2022	0	C!D888
RCEP C	2023	2023	0	C!E888
RCEP C	2024	2024	0	C!F888
RCEP C	2025	2025	0	C!G888
RCEP C	2026	2026	0	C!H888
RCEP C	2027	2027	0	C!I888

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D888
RCEP D	2023	2023	0	D!E888
RCEP D	2024	2024	0	D!F888
RCEP D	2025	2025	0	D!G888
RCEP D	2026	2026	0	D!H888
RCEP D	2027	2027	0	D!I888
RCEP E	2022	2022	0	E!D888
RCEP E	2023	2023	0	E!E888
RCEP E	2024	2024	0	E!F888
RCEP E	2025	2025	0	E!G888
RCEP E	2026	2026	0	E!H888
RCEP E	2027	2027	0	E!I888
RCEP F	2022	2022	0	F!D888
RCEP F	2023	2023	0	F!E888
RCEP F	2024	2024	0	F!F888
RCEP F	2025	2025	0	F!G888
RCEP F	2026	2026	0	F!H888
RCEP F	2027	2027	0	F!I888
VIFTA	2024	2024	0	VI!F866
VIFTA	2025	2025	0	VI!G866
VIFTA	2026	2026	0	VI!H866
VIFTA	2027	2027	0	VI!I866

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hạn ngạch thuế quan (12/2018/TT-BTC)		12/2018/TT-BTC	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Giống vật nuôi cần bảo tồn (01/2024/TT-BNNPTNT M4)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Giống vật nuôi cần bảo tồn (01/2024/TT-BNNPTNT M4)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0407.19 có 4 dòng thuế; dòng 0407.19.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Để nhân giống.	0407.19.19 Loại khác; 0407.19.91 Để nhân giống; 0407.19.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0407.19.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 0407.19.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N895), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hạn ngạch thuế quan (12/2018/TT-BTC)
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)
Giống vật nuôi cần bảo tồn (01/2024/TT-BNNPTNT M4)
Giống vật nuôi cần bảo tồn (01/2024/TT-BNNPTNT M4)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.